

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng núi của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 51/TTr-SNN-KH ngày 04 tháng 4 năm 2019 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về thôn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng núi của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 - 2020 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Quyết định này là căn cứ để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 - 2020 và để kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiêu chí và công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định tại Quyết định này.

- Hướng dẫn các ngành, địa phương rà soát thực trạng các thôn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch để triển khai thực hiện thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; trình tự, hồ sơ, thủ tục xét công nhận, công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, tra đổi, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước được giao hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ, lồng ghép các nguồn lực, nhân lực cho các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối nguồn lực, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền vận động, giám sát thực hiện tốt các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định tại Quyết định này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Kon Rẫy, Kon Plông, Sa Thầy, Ia H'Drai, Đăk Hà, Đăk Tô, Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi và Đăk Glei:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định tại Quyết định này; tổ chức đánh giá, thẩm tra, xét công nhận và công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm theo quy định.

- Chủ động cân đối, bố trí vốn thuộc ngân sách huyện đối với các trường hợp thiếu vốn để hỗ trợ các xã, thôn thực hiện Bộ tiêu chí này.

6. Trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020 nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Chánh văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã đặc biệt khó khăn; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng điều phối NTM TW;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

QUY ĐỊNH
BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC BIÊN GIỚI,
VÙNG NÚI THUỘC TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 386 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Ghi chú
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ⁽¹⁾ .	%	70% ⁽²⁾	<p>(1) Đường đảm bảo đạt loại B, C; Đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 4m, mặt đường tối thiểu 3,0m. Trường hợp bất khả kháng (không thể giải phóng được đối với nhà cửa, vật kiến trúc kiên cố xây dựng trước thời điểm công bố quy hoạch) mặt đường tối thiểu 2,0m;</p> <p>(2) Cứng hóa: nhựa hóa, bê tông, cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi... được lu lèn</p> <p>(3) Đường đảm bảo đạt loại D; Đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 2m, mặt đường tối thiểu 1,5m.</p> <p>(4) Tuyến đường chính đến khu sản xuất tập trung được cứng hóa: Đảm bảo đường loại D; Nhựa hóa, bê tông hóa; hoặc cấp phối, đá, gạch, tường xây... có lu lèn. Trong trường hợp đặc thù do địa hình, kết cấu nền đường ổn định thì phải đảm bảo đi lại thuận lợi và vận chuyển hàng hóa được quanh năm.</p>
		1.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa ⁽³⁾ .	%	100% (50% được cứng hóa ⁽⁴⁾)	
		1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm ⁽⁴⁾ .	%	≥50%	
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt ⁽⁵⁾	<p>(5) Áp dụng đối với đất nông nghiệp sản xuất tập trung (khu vực sản xuất liên vùng, có điều kiện tương tự để sản xuất cùng một loại nông sản), canh tác ổn định và nằm trong vùng có quy hoạch phân kỳ đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi (không tính diện tích đất trồng cây lâm nghiệp, công công nghiệp dài ngày, cây lấy gỗ, cây sắn).</p>
		2.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Ghi chú
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	≥ 98	
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng ⁽⁶⁾ .	%	Đạt ⁽⁷⁾	(6) Trường hợp thôn được sử dụng Nhà Rông, Nhà Dài, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Đình làng, Nhà văn hóa, Nhà văn hóa liên thôn tổ chức các hoạt động văn hóa đã xây dựng từ trước để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân vẫn được tính đạt tiêu chí. (7) Đảm bảo 02 điều kiện: - Diện tích đất quy hoạch cho Nhà Văn hóa từ 100m ² trở lên; Khu Thể thao từ 200m ² trở lên. - Quy mô xây dựng Nhà Văn hóa là từ 50 chỗ ngồi trở lên.
5	Thông tin và Truyền thông	Thôn có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt ⁽⁸⁾ .	Đạt	Đạt	(8) Cụ thể: Thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt (tối thiểu 80% hộ gia đình trong thôn nghe được loa truyền thanh của thôn).
6	Nhà ở dân cư	6.1. Nhà tạm, dột nát	không	Không	
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥ 75	
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Tr.đ	- Năm 2019: tăng tối thiểu 1,6 lần so với năm 2015 ⁽⁹⁾ . - Năm 2020: tăng tối thiểu 1,8 lần so với năm 2015 ⁽⁹⁾ .	(9) Mức thu nhập bình quân đầu người tăng so với năm 2015, được tính là tỷ lệ thu nhập năm công nhận so với mức thu nhập bình quân của thôn đó trong năm 2015 (trường hợp không có cơ sở xác định được mức thu nhập bình quân của thôn thì lấy mức thu nhập bình quân của xã trong năm 2015 để làm cơ sở tính toán cho thôn).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Ghi chú
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤ 7%	
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	Đạt	
10	Tổ chức sản xuất	Trên địa bàn thôn có ít nhất 01 mô hình/dự án sản xuất kinh doanh tập trung hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng.	Đạt	Đạt	
11	Giáo dục và Đào tạo	11.1. 100% trẻ 6 tuổi được vào lớp 1; tỷ lệ học đúng độ tuổi đạt từ 90% trở lên; 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học và tiếp tục học Trung học cơ sở	Đạt	Đạt	
		11.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	%	≥ 70	
		11.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥ 25%	
12	Y tế	12.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 85%	
		12.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤ 35	
13	Văn hóa	Thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Ghi chú
14	Môi trường và an toàn thực phẩm	14.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định	%	≥95%	
		14.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	%	100%	
		14.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	
		14.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch ⁽¹⁰⁾	Đạt	Đạt	(10) Nghĩa trang phải phù hợp với quy hoạch và quy chế quản lý nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định
		14.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	
		14.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽¹¹⁾	%	≥ 60%	(11) Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).
		14.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	%	≥ 50%	
		14.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100%	
		14.9. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi xác động vật chết ra đường.	Đạt	Đạt	
		14.10. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức dọn vệ sinh chung toàn thôn, hoặc tại các điểm dân cư tập trung.	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Mức độ đạt chuẩn	Ghi chú
15	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	15.1. Có đủ các tổ chức trong thôn theo quy định	Đạt	Đạt	
		15.2. Chi bộ thôn đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	
		15.3. Các tổ chức đoàn thể của thôn đạt loại khá trở lên	%	100%	
		15.4. Có hương ước, quy ước được xây dựng và công nhận theo quy định tại Chương II Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; tối thiểu từ 95% người dân trong thôn cam kết thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng; có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt	
		15.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	
		15.6. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn được UBND xã xác nhận.	Đạt	Đạt	
16	Quốc phòng và An ninh	16.1. Hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	
		16.2. Thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	

Ghi chú: Xã Đặc biệt khó khăn là những xã thuộc danh sách xã khu vực III của tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định khác (nếu có).

u